

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST

Ngày: 28-5 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn.

Ông Phạm Mạnh Hưng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị L1 – Sinh năm 1969 tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (Tên gọi khác Trần Văn M) (đã chết) và bà Mai Thị Ng; bị cáo có chồng (Đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội chứa mại dâm, chấp hành xong tháng 2/2005. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2017 đến ngày 29/12/2017. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Đức L2 - Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Anh Vũ Trường G - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Anh Trương Văn Q - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Anh Đỗ Văn H - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Chị Đinh Thị L3 - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- Chị Bùi Thị D - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

+ **Người chứng kiến:** Ông Phạm Văn Đ - sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị L1 có mở quán cà phê “Ban Mai” tại nhà của con gái (Phạm Thị H, sinh năm 1990, hiện đang sinh sống và làm việc ở Nhật Bản) giao cho L1 quản lý ở thôn T, xã Q, thành phố T; trong quán cà phê L1 có 01 phòng hát karaoke. Còn L1 sở hữu 01 ngôi nhà liền kề quán cà phê “Ban Mai”, trong đó L1 cho thuê gian phòng phía trước nhà, gian phòng phía sau nhà có 01 chiếc giường, chăn và gối L1 để làm chỗ mua bán sâm khi khách đến quán cà phê của L1 có nhu cầu mua sâm với nhân viên nữ hát karaoke.

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 24/12/2017, Vũ Trường G, sinh năm 1991; Trương Văn Q, sinh năm 1985; Trần Đức L2, sinh năm 1997 đều trú tại thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và Đỗ Văn H, sinh năm 1990, trú tại xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến quán cà phê “Ban Mai” gặp Trần Thị L1 thuê 01 phòng hát karaoke. Quá trình hát karaoke, G ra gặp L1 nói gọi 03 nhân viên nữ đến hát cùng. L1 đồng ý và gọi điện cho Đinh Thị L3, sinh năm 1984, ĐKHKT tại thôn V, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở hiện tại tổ 17 phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình và Bùi Thị D, sinh năm 1989, ĐKHKT tại thôn Đ, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở hiện tại tổ 4 phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, đến hát cùng khách (L3 và D làm nhân viên phục vụ tại các phòng hát karaoke và bán sâm khi khách có nhu cầu mua sâm); L3 và D đều đồng ý. L1 còn gọi cho 02 nhân viên nữ nữa nhưng họ không nghe máy. Khoảng 20 phút sau, L3 và D đến và vào phòng hát cùng với nhóm của G. Trong khi hát, L2 và H muốn mua sâm nhân viên hát nên đã rủ G, Q cùng mua sâm; G và Q đồng ý. L2 và H hỏi L3, D về việc muốn mua sâm thì L3, D đồng ý bán sâm; L3 có nói ra gặp L1. L2, H, G và Q thống nhất để G ra gặp L1 thỏa thuận mua sâm L3, D và gọi thêm nhân viên đến để nhóm G cùng mua sâm; tiền mua sâm do G bỏ ra trước. Q theo G ra gặp L1, G hỏi “Đi tàu nhanh ở đâu bao nhiêu”, L1 hiểu G hỏi giá mua sâm L3, D. Do trước đây giữa L1 và L3, D có trao đổi giá mua sâm L3 300.000 đồng, D 200.000 đồng và L1 có nói với L3, D khi có khách đến quán của L1 muốn mua sâm thì L3, D sẽ bán sâm tại gian phòng của nhà L1; L1 đưa ra giá và thu tiền mua sâm L3, D từ khách; nên L1 có cùng G, Q đến cửa phòng hát karaoke để L1 chỉ và nói giá mua sâm L3 là 350.000 đồng/01 người/01 lần, D là 250.000 đồng/01 người/01 lần. G đồng ý và đưa cho L1 600.000 đồng (gồm 12 tờ mệnh giá 50.000 đồng) tiền mua sâm L3, D rồi nói L1 gọi thêm nhân viên nữa đến để nhóm G cùng

mua dâm. L1 cầm tiền G đưa vào phòng ngủ cất tại ngăn kệ để sau khi mua bán dâm xong đưa cho L3 300.000 đồng, D 200.000 đồng, còn L1 chiếm hưởng 100.000 đồng. G và Q đi vào phòng hát nói với L2 và H đã thỏa thuận xong giá mua dâm, đợi thêm nhân viên đến nữa để cùng mua dâm thì L2 và H có nói nhường L2, H mua dâm L3, D trước; G và Q đồng ý. Khi L1 đi mua thẻ điện thoại hộ G về đưa cho G thì G nói L1 sắp xếp phòng để L2 và H mua dâm L3, D trước; L1 nói chỉ có 01 phòng lần lượt mà mua dâm L3, D. Do không thỏa thuận với ai trước ngoài L3, D về việc bán dâm tại nhà mình nên lúc này L1 có nói lại với G là không gọi được nhân viên khác để nhóm G cùng mua dâm.

Sau đó, L2 cùng L3 ra gặp L1 lấy 01 bao cao su nhãn “Condom HuaLei”, màu trắng, chữ đỏ rồi L3 và L2 đi theo lối cửa hông của quán cà phê để đến gian phòng mua bán dâm. L2 và L3 mua bán dâm xong thì quay lại phòng tiếp tục hát karaoke. H và D ra gặp L1 lấy 01 bao cao su nhãn “Condom HuaLei”, màu trắng, chữ đỏ để đi mua bán dâm.

Hồi 12 giờ cùng ngày, khi H và D đang mua bán dâm tại gian phòng của nhà L1 thì bị tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại gian phòng H và D đang mua bán dâm 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã sử dụng; thu giữ của Trần Thị L1 số tiền 600.000 đồng trong ngăn kệ tại phòng ngủ; 01 điện thoại di động OPPO F1S và 05 bao cao su đều có nhãn “Condom HuaLei”, màu trắng, chữ đỏ, chưa sử dụng.

Quá trình điều tra xác định: 01 điện thoại và 05 bao cao su của Trần Thị L1, không liên quan đến hành vi phạm tội của L1; nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại cho L1.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị L1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT – VKS ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Thị L1 ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, tranh luận, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị L1 phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội

Xử phạt bị cáo Trần Thị L1 từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi 05 ngày tạm giữ từ ngày 24/12/2017 đến ngày 29/12/2017.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Thị L1.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Áp dụng các điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ là tiền mà Trần Đức L2 và Đỗ Văn H dùng để mua dâm.

- Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra, ông Phạm Văn Đ trình bày: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/12/2017 ông được tổ công tác của Công an thành phố Tam Điệp mời đến nhà Trần Thị L1 để chứng kiến việc công an thành phố Tam Điệp bắt quả tang Trần Thị L1 có hành vi chứa mại dâm. Tại đây tôi thấy trong căn phòng hát có 04 người có tên L3, G, L2 và Q còn trong căn phòng giáp với quán hát có một nam giới và một nữ giới đang ở trên giường trong tình trạng không mặc quần áo Công an đã thu giữ 02 bao cao su, 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, Trần thị L1 giao nộp số tiền 600.000đ , 05 bao cao su chưa qua sử dụng và 01 điện thoại di động sau đó Cơ quan công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị L1.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức L2, anh Đỗ Văn H, chị Đinh Thị L3, chị Bùi Thị D... phù hợp với tang

vật đã thu giữ. Mặt khác được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận vào ngày 24/12/2017 Trần Thị L1 đã cho một nhóm thanh niên mua dâm 2 nữ nhân viên phục vụ quán hát tại nhà mình để thu lời bất chính.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng xảy ra tại nơi tập trung đông dân cư, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã Q nói riêng và trên địa bàn thành phố T nói chung. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh và xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì “Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm”. Do vậy hành vi của bị cáo Trần Thị L1 đã phạm vào tội “Chứa mại dâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 254 Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi của bị cáo Trần Thị L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” so với khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009 thì khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn. Do vậy bị cáo Trần Thị L1 được áp dụng điều khoản có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo. Từ căn cứ trên thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo Trần Thị L1 về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Bị cáo đã bị đưa ra xét xử về tội chứa mại dâm theo bản án số 02/2004/HSST ngày 05/01/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, ngoài ra bị cáo Trần Thị L1 không có lần nào khác có hành vi vi phạm pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến

một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm”. Theo khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 5 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 7, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 30/12/2016 áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị L1 theo quy định tại khoản 5 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Trong vụ án này, đối với hành vi mua bán dâm của Trần Đức L2 và Đinh Thị L3, Bùi Thị D, Đỗ Văn H, Vũ Trường G, Trương Văn Q. Ngày 22/3/2018 Công an thành phố Tam Điệp đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với G, Q, L2, H, L3, D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Đối với 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Đối với số tiền 600.000đ thu giữ của bị cáo đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với chiếc điện thoại di động và 05 bao cao su do bị cáo giao nộp, đây là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc chứa mại dâm do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên không đặt ra xem xét.

[9] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Thị L1 phạm tội: “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 5 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L1 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi 05 ngày tạm giữ từ ngày 24/12/2017 đến ngày 29/12/2017. Phạt bổ sung 5.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ
- Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Những vật chứng trên Công an thành phố Tam Điệp đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp theo giấy ủy nhiệm chỉ ngày 16 tháng 4 năm 2018 và biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa Công an thành phố Tam Điệp và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

3. Về án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị L1 phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Vũ Ngọc Tú**